

# **Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017



# Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 27

# Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên ("Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Vận tải trực thuộc Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 theo Quyết định số 24/2000/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ cấp ngày 21 tháng 1 năm 2000. Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103000047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 4 năm 2000 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh dịch vụ vận tải đường thủy, vận tải đường bộ trong và ngoài nước, kinh doanh tổng hợp vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải, khai thác bến bãi và bán buôn xi măng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HTV theo Quyết định số 41/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 12 năm 2005.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 296 Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tuấn Anh	Chủ tịch
Ông Phan Trọng Lập	Thành viên
Ông Trần Văn Quỳnh	Thành viên
Ông Phạm Văn Thông	Thành viên
Ông Đỗ Văn Huân	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Kim Dung	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Huệ	Thành viên
Ông Phạm Thế Nghĩa	Thành viên

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Văn Quỳnh	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Việt	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Văn Quỳnh.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.


Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.


Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc:





---

Trần Văn Quỳnh  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Số tham chiếu: 61056427/19422553/LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên ("Công ty"), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 27, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo soát xét của chúng tôi đề ngày 14 tháng 8 năm 2017 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Hàng Nhật Quang  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 1772-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30 tháng 6 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>254.690.953.906</b>	<b>292.547.340.068</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>89.859.455.974</b>	<b>89.130.478.094</b>
111	1. Tiền		31.159.455.974	12.630.478.094
112	2. Các khoản tương đương tiền		58.700.000.000	76.500.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>74.129.143.159</b>	<b>105.990.879.270</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	20.990.879.270	20.990.879.270
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	53.138.263.889	85.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>86.814.724.833</b>	<b>96.699.214.380</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	85.334.853.076	82.840.187.377
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	411.346.700	10.763.208.029
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.802.937.502	3.830.231.419
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(734.412.445)	(734.412.445)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>322.380.348</b>	<b>182.723.946</b>
141	1. Hàng tồn kho	9	322.380.348	182.723.946
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>3.565.249.592</b>	<b>544.044.378</b>
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		3.565.249.592	544.044.378
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>130.966.500.578</b>	<b>62.171.254.507</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>53.882.796.481</b>	<b>60.068.733.997</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	53.882.796.481	60.068.733.997
222	Nguyên giá		146.413.148.885	146.544.633.347
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(92.530.352.404)	(86.475.899.350)
<b>240</b>	<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>77.083.704.097</b>	<b>255.717.727</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	77.083.704.097	255.717.727
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>1.500.000.000</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.3	-	1.500.000.000
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>-</b>	<b>346.802.783</b>
262	1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	22.3	-	346.802.783
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>385.657.454.484</b>	<b>354.718.594.575</b>


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30 tháng 6 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>74.995.532.463</b>	<b>37.262.038.441</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>74.995.532.463</b>	<b>37.262.038.441</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	32.741.725.768	18.379.564.697
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.221.886.986	1.188.501.146
314	3. Phải trả người lao động		5.978.731.990	6.882.811.347
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	9.991.002.271	2.467.872.462
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	14	16.671.749.246	1.002.094.920
321	6. Dự phòng ngắn hạn	15	2.109.193.683	-
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	6.281.242.519	7.341.193.869
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>310.661.922.021</b>	<b>317.456.556.134</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>17.1</b>	<b>310.661.922.021</b>	<b>317.456.556.134</b>
411	1. Vốn cổ phần		131.040.000.000	131.040.000.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		131.040.000.000	131.040.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		53.070.783.332	53.070.783.332
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		114.353.432.657	109.522.730.952
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		12.197.706.032	23.823.041.850
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		1.197.239.414	1.197.239.414
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		11.000.466.618	22.625.802.436
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>385.657.454.484</b>	<b>354.718.594.575</b>



Võ Thị Ngọc Diễm  
Người lập



Trần Thị Lý  
Kế toán trưởng



Trần Văn Quỳnh  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2017



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	92.450.223.077	98.235.097.652
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		(73.691.273.121)	(72.890.857.641)
20	3. Lợi nhuận gộp		18.758.949.956	25.344.240.011
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	3.686.268.959	2.484.495.009
22	5. Chi phí tài chính		(18.366.667)	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(18.366.667)	-
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	(7.885.490.116)	(8.908.316.644)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		14.541.362.132	18.920.418.376
31	8. Thu nhập khác	20	1.007.448.711	-
32	9. Chi phí khác	20	(1.422.982.056)	-
40	10. Lỗ khác	20	(415.533.345)	-
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		14.125.828.787	18.920.418.376
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22.1	(2.778.559.386)	(3.837.283.675)
52	13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	22.3	(346.802.783)	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		11.000.466.618	15.083.134.701

Võ Thị Ngọc Diễm  
Người lập

Trần Thị Lý  
Kế toán trưởng



Trần Văn Quỳnh  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>14.125.828.787</b>	<b>18.920.418.376</b>
	<i>Điều chỉnh cho:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	8	6.185.937.516	6.876.883.470
03	Dự phòng		2.109.193.683	489.651.000
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(3.686.268.959)	(2.484.495.009)
06	Chi phí lãi vay		18.366.667	-
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>18.753.057.694</b>	<b>23.802.457.837</b>
09	Giảm các khoản phải thu		4.752.696.833	24.647.746.445
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(139.656.402)	89.264.916
11	Tăng các khoản phải trả		18.865.962.319	10.364.163.976
14	Tiền lãi vay đã trả		(18.366.667)	-
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12	(2.801.766.198)	(5.430.099.143)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.130.252.081)	(1.241.437.185)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>36.281.675.498</b>	<b>52.232.096.846</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua tài sản cố định		(74.711.290.188)	(41.300.000)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(37.138.263.889)	(50.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác		69.000.000.000	14.000.000.000
26	Thu nhập từ bán các khoản đầu tư trong đơn vị khác		1.500.000.000	-
27	Tiền lãi nhận được		5.796.856.459	1.915.349.223
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(35.552.697.618)</b>	<b>(34.125.950.777)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền vay ngắn hạn		76.000.000.000	-
34	Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn		(76.000.000.000)	-
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>-</b>	<b>-</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		728.977.880	18.106.146.069
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		89.130.478.094	62.379.525.497
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	89.859.455.974	80.485.671.566

*(Handwritten signatures in blue ink)*



Võ Thị Ngọc Diễm  
Người lập

Trần Thị Lý  
Kế toán trưởng

Trần Văn Quỳnh  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên ("Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Vận tải trực thuộc Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 theo Quyết định số 24/2000/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ cấp ngày 21 tháng 1 năm 2000. Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103000047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 4 năm 2000 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh dịch vụ vận tải đường thủy, vận tải đường bộ trong và ngoài nước, kinh doanh tổng hợp vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải, khai thác bến bãi và bán buôn xi măng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HTV theo Quyết định số 41/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 12 năm 2005.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 296 Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 238 người (31 tháng 12 năm 2016: 183 người).

***Cơ cấu tổ chức***

Công ty có 1 công ty con như sau:

- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất Động sản Trường Thọ Thủ Đức ("TTTĐ")

TTTĐ là một công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh Doanh ("GCNĐKKD") số 0314270335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 3 năm 2017. Trụ sở chính của TTTĐ đăng ký tại Phòng 1606, Lầu 16, Tòa nhà Sailing, 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của TTTĐ là kinh doanh bất động sản.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty vẫn chưa góp 65% phần vốn điều lệ theo GCNĐKKD vào TTTĐ. Tuy nhiên, Công ty vẫn nắm giữ 65% quyền biểu quyết trong TTTĐ và sẽ thực hiện góp phần vốn điều lệ tương ứng vào tháng 7 năm 2017.

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng**

Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày đề ngày 14 tháng 8 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Các chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là kế toán trên máy tính.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, chủ yếu là nhiên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ, với giá trị được xác định theo chi phí mua trên cơ sở bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nhiên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.5 Khấu hao tài sản cố định hữu hình**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải đường thủy	10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 6 năm

**3.6 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.7 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.9 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

**3.10 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.10 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### 3.11 Thuế

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.12 Thông tin theo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ vận tải. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc Công ty nhận định rằng Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	30 tháng 6 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
Tiền mặt	633.931.132	13.115.962
Tiền gửi ngân hàng	30.525.524.842	12.617.362.132
Các khoản tương đương tiền (*)	58.700.000.000	76.500.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>89.859.455.974</b>	<b>89.130.478.094</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại, có thời hạn gốc dưới ba tháng và hưởng lãi suất bình quân là 5,5%/năm.

## Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

### 5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

#### 5.1 Chứng khoán kinh doanh

	30 tháng 6 năm 2017		31 tháng 12 năm 2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Chứng khoán kinh doanh				
- Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	20.990.879.270	24.505.632.000	20.990.879.270	22.228.560.000
				VND

#### 5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30 tháng 6 năm 2017		31 tháng 12 năm 2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)				
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Sài Gòn	16.138.263.889	16.138.263.889	85.000.000.000	85.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Bản Việt – Chi nhánh Sài Gòn	37.000.000.000	37.000.000.000	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>53.138.263.889</b>	<b>53.138.263.889</b>	<b>85.000.000.000</b>	<b>85.000.000.000</b>
				VND

(\*) Đây là khoản tiền gửi ngân hàng hạn tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc trên ba tháng và hưởng lãi suất bình quân dao động từ 5,3% đến 6,8%/năm.

#### 5.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30 tháng 6 năm 2017		31 tháng 12 năm 2016	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất Động sản Trường Thọ (*)	-	-	5	1.500.000.000
				VND

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất Động sản Trường Thọ (\*)

(\*) Vào ngày 22 tháng 2 năm 2017, Công ty đã chuyển nhượng khoản đầu tư trong Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất Động sản Trường Thọ cho Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1, bên liên quan của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**6.1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	VND	
	30 tháng 6 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	68.667.604.528	72.961.162.680
Phải thu từ khách hàng khác	16.667.248.548	9.879.024.697
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>85.334.853.076</b>	<b>82.840.187.377</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(734.412.445)	(734.412.445)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>84.600.440.631</b>	<b>82.105.774.932</b>

*Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:*

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Số đầu kỳ	734.412.445	118.064.829
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	-	489.651.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>734.412.445</b>	<b>607.715.829</b>

**6.2. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	VND	
	30 tháng 6 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
Công ty Cổ phần Thiết bị Điều khiển và báo hiệu	194.242.500	-
Công ty TNHH MTV DV Kỹ thuật Hoàng Hải	120.000.000	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Huy Hiền	-	9.930.000.000
Các nhà cung cấp khác	97.104.200	833.208.029
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>411.346.700</b>	<b>10.763.208.029</b>

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	30 tháng 6 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
Lãi dự thu	1.006.412.500	3.117.000.000
Ký quỹ thực hiện hợp đồng	390.000.000	410.000.000
Phải thu khác	406.525.002	303.231.419
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.802.937.502</b>	<b>3.830.231.419</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ các bên khác</i>	1.802.937.502	3.830.231.419

## Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

### 8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Phương tiện vận tải đường thủy	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
				VND
<b>Nguyên giá:</b>				
31 tháng 12 năm 2016	2.267.622.014	141.241.618.016	3.035.393.317	146.544.633.347
Tăng khác	-	358.003.389	-	358.003.389
Thanh lý	(131.484.462)	-	-	(131.484.462)
Giảm khác	-	-	(358.003.389)	(358.003.389)
30 tháng 6 năm 2017	2.136.137.552	141.599.621.405	2.677.389.928	146.413.148.885
<b>Trong đó:</b>				
Đã khấu hao hết	2.136.137.552	20.503.401.603	1.237.917.201	23.877.456.356
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
31 tháng 12 năm 2016	(2.267.622.014)	(82.165.098.800)	(2.043.178.536)	(86.475.899.350)
Khấu hao trong kỳ	-	(6.054.811.002)	(131.126.514)	(6.185.937.516)
Tăng khác	-	(358.003.389)	-	(358.003.389)
Thanh lý	131.484.462	-	-	131.484.462
Giảm khác	-	-	358.003.389	358.003.389
30 tháng 6 năm 2017	(2.136.137.552)	(88.577.913.191)	(1.816.301.661)	(92.530.352.404)
<b>Giá trị còn lại:</b>				
31 tháng 12 năm 2016	-	59.076.519.216	992.214.781	60.068.733.997
30 tháng 6 năm 2017	-	53.021.708.214	861.088.267	53.882.796.481

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**9. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	30 tháng 6 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
Nhiên liệu và vật liệu	309.417.073	164.899.443
Công cụ, dụng cụ	12.963.275	17.824.503
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>322.380.348</b>	<b>182.723.946</b>

**10. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	30 tháng 6 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
Phương tiện vận tải đường thủy – Sà lan	77.083.704.097	255.717.727

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	30 tháng 6 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
Phải trả cho người bán	32.241.908.304	17.891.441.573
- Doanh nghiệp Tư nhân Trung Tài	9.455.988.580	8.066.247.872
- Công ty TNHH MTV Chí Thành	4.223.525.437	2.062.913.322
- Phải trả đối tượng khác	18.562.394.287	7.762.280.379
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	499.817.464	488.123.124
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>32.741.725.768</b>	<b>18.379.564.697</b>

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	31 tháng 12 năm 2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp/ cấn trừ trong kỳ	30 tháng 6 năm 2017
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.171.101.146	2.778.559.386	(2.801.766.198)	1.147.894.334
Thuế giá trị gia tăng	-	10.206.698.598	(10.206.698.598)	-
Thuế thu nhập cá nhân	17.400.000	422.431.979	(365.839.327)	73.992.652
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.188.501.146</b>	<b>13.410.689.963</b>	<b>(13.377.304.123)</b>	<b>1.221.886.986</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	30 tháng 6 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
Chi phí vận chuyển	9.382.206.994	-
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	-	2.292.498.643
Chi phí khác	608.795.277	175.373.819
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>9.991.002.271</u></b>	<b><u>2.467.872.462</u></b>

**14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	30 tháng 6 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
Cổ tức phải trả	15.728.102.200	3.302.200
Nhận ký quỹ, ký cược	362.000.000	241.982.997
Kinh phí công đoàn	352.925.314	285.596.314
Các khoản phải trả, phải nộp khác	228.721.732	471.213.409
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>16.671.749.246</u></b>	<b><u>1.002.094.920</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên khác</i>	8.796.916.046	1.002.094.920
<i>Phải trả khác cho bên liên quan     (Thuyết minh số 23)</i>	7.874.833.200	-

**15. DỰ PHÒNG NGẮN HẠN**

	VND	
	30 tháng 6 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	1.898.131.933	-
Trợ cấp thôi việc	211.061.750	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.109.193.683</u></b>	<b><u>-</u></b>

**16. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Số đầu kỳ	7.341.193.869	3.667.394.126
Trích lập quỹ trong kỳ (Thuyết minh 17.1)	2.070.300.731	5.918.660.838
Sử dụng quỹ trong kỳ	(3.130.252.081)	(1.241.437.185)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>6.281.242.519</u></b>	<b><u>8.344.617.779</u></b>

## Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

### 17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 17.1 *Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
					VND
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>					
31 tháng 12 năm 2015	131.040.000.000	53.070.783.332	93.984.522.332	35.758.108.872	313.853.414.536
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	15.083.134.701	15.083.134.701
Cổ tức công bố	-	-	-	(13.104.000.000)	(13.104.000.000)
Trích lập quỹ	-	-	15.538.208.620	(15.538.208.620)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(5.918.660.838)	(5.918.660.838)
30 tháng 6 năm 2016	131.040.000.000	53.070.783.332	109.522.730.952	16.280.374.115	309.913.888.399
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>					
31 tháng 12 năm 2016	131.040.000.000	53.070.783.332	109.522.730.952	23.823.041.850	317.456.556.134
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	11.000.466.618	11.000.466.618
Cổ tức công bố	-	-	-	(15.724.800.000)	(15.724.800.000)
Trích lập quỹ	-	-	4.830.701.705	(4.830.701.705)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(2.070.300.731)	(2.070.300.731)
30 tháng 6 năm 2017	131.040.000.000	53.070.783.332	114.353.432.657	12.197.706.032	310.661.922.021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**17.2 Cổ phiếu**

	Số lượng cổ phiếu	
	30 tháng 6 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
Cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	13.104.000	13.104.000
Cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	13.104.000	13.104.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	13.104.000	13.104.000

**17.3 Cổ tức**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
<b>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông đã công bố và đã trả trong năm</b>		
Cổ tức đã công bố trong năm	15.724.800.000	13.104.000.000
Cổ tức đã trả bằng tiền	-	-
Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu	-	-

**18. DOANH THU**

**18.1 Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Doanh thu vận tải đường thủy	82.767.168.127	95.880.004.598
Doanh thu vận tải đường bộ	6.989.439.373	-
Doanh thu bốc dỡ hàng hóa	1.119.295.218	1.962.490.302
Doanh thu bán buôn xi măng	1.057.956.726	-
Doanh thu cho thuê kho	516.363.633	392.602.752
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>92.450.223.077</b>	<b>98.235.097.652</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với các bên khác	24.534.337.046	25.406.818.814
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	67.915.886.031	72.828.278.838

**18.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Lãi tiền gửi	3.686.268.959	2.484.495.009



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.478.277.029	2.836.949.508
Chi phí nhân viên	3.443.954.520	3.054.587.125
Chi phí khấu hao tài sản	131.126.514	120.123.750
Chi phí khác	1.832.132.053	2.896.656.261
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.885.490.116</u></b>	<b><u>8.908.316.644</u></b>

**20. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>1.007.448.711</b>	-
Phạt vi phạm hợp đồng	971.755.160	-
Khác	35.693.551	-
<b>Chi phí khác</b>	<b>(1.422.982.056)</b>	-
Các khoản phạt	(1.422.982.056)	-
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>(415.533.345)</u></b>	<u>-</u>

**21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.378.123.915	51.403.987.241
Chi phí nhân viên	16.484.084.196	17.052.217.624
Chi phí nhiên liệu và vật liệu	6.570.642.068	5.410.729.143
Chi phí khấu hao tài sản ( <i>Thuyết minh số 8</i> )	6.185.937.516	6.876.883.470
Chi phí khác	1.957.975.542	1.055.356.807
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>81.576.763.237</u></b>	<b><u>81.799.174.285</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

## 22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Trong năm 2017, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) bằng 20% thu nhập chịu thuế (Năm 2016: 20%).

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 22.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.778.559.386	3.837.283.675
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	346.802.783	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.125.362.169</b>	<b>3.837.283.675</b>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>14.125.828.787</b>	<b>18.920.418.376</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	2.825.165.757	3.784.083.675
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	300.196.412	53.200.000
<b>Chi phí thuế TNDN ước tính</b>	<b>3.125.362.169</b>	<b>3.837.283.675</b>

### 22.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**22.3 Thuế TNDN hoãn lại**

VND

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	30 tháng 6 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	346.802.783	(346.802.783)	-
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>-</b>	<b>346.802.783</b>		
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>			<b>(346.802.783)</b>	<b>-</b>

**23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	47.328.627.421	69.172.753.361
		Chuyển nhượng khoản đầu tư	1.500.000.000	-
		Mua hàng hóa	1.032.361.000	-
		Chi phí tiện ích	-	151.247.640
		Đặt cọc	-	500.000.000
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	17.073.543.806	2.550.030.876
		Thu tiền phạt	971.755.160	-
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Bên liên quan	Phí tư vấn	454.379.513	489.212.474
Công ty TNHH Siam City cement Việt Nam	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	3.513.714.804	1.105.494.601
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Bên liên quan	Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	325.722.223

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát như sau:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Hội đồng Quản trị	252.000.000	252.000.000
Ban Kiểm soát	78.000.000	78.000.000
	<b><u>330.000.000</u></b>	<b><u>330.000.000</u></b>

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:*

Nghiệp vụ cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ được trình bày như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	VND	
			<i>30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>31 tháng 12 năm 2016</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)</i></b>				
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	58.532.276.989	68.319.356.848
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	7.684.100.202	2.203.202.015
Công ty TNHH Siam City cement Việt Nam	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	2.451.227.337	2.438.603.817
			<b><u>68.667.604.528</u></b>	<b><u>72.961.162.680</u></b>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 11)</i></b>				
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Bên liên quan	Chi phí tiện ích	-	11.077.104
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Bên liên quan	Phí tư vấn	499.817.464	477.046.020
			<b><u>499.817.464</u></b>	<b><u>488.123.124</u></b>
<b><i>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 14)</i></b>				
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Bên liên quan	Cổ tức phải trả	7.874.833.200	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**24. CAM KẾT GÓP VỐN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có khoản cam kết góp vốn như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Vốn điều lệ	Cam kết góp vốn của Công ty		Vốn thực góp Số tiền	Phần vốn cam kết còn phải góp Số tiền
		Số tiền	%		
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất Động sản Trường Thọ Thủ Đức	20.000.000.000	13.000.000.000	65	-	13.000.000.000

**25. CÁC CAM KẾT**

**Cam kết thuê hoạt động**

Công ty hiện đang thuê đất và văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	30 tháng 6 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
Dưới 1 năm	2.161.193.280	1.642.147.140
Từ 1 đến 5 năm	2.452.287.120	2.278.522.255
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.613.480.400</b>	<b>3.920.669.395</b>

**Cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn**

Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có khoản cam kết 39.410.000.000 VND (30 tháng 6 năm 2016 là 0 VND) chủ yếu liên quan đến việc đóng mới các sà lan phục vụ hoạt động của Công ty.

**26. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có các sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty.



Võ Thị Ngọc Diễm  
Người lập



Trần Thị Lý  
Kế toán trưởng





Trần Văn Quỳnh  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2017